

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 25-7-2022
V/v “tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phúc.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị TB**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 58/1 Quốc lộ 80, khu phố ĐA, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần VT**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Hiện anh VT đang chấp hành án tại Phân trại số 1 – Trại giam M.P – Cục C 10 – Bộ Công an, đóng trên địa bàn thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang)

(Chị TB và anh VT có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị TB trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần VT là vợ chồng, tổ chức cưới vào năm 2013, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, TP. C, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 006, Quyền số 01/2015 ngày 03/3/2015.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2016, thì giữa anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh VT đi làm, có tình cảm với người khác. Cả hai vợ chồng và gia đình hai bên đã động viên hàn gắn, tránh đổ vỡ hôn nhân. Vào năm 2017 anh VT phạm tội “Cướp giật tài sản” bị xử phạt 03 năm tù. Sau khi chấp hành xong bản án, chị và anh VT cùng nhau mở quán cơm tại Phường T.B, TP. TĐ để làm ăn nhưng anh VT không thay đổi, thường xuyên đánh đập vợ, con. Đến năm 2020, anh VT tiếp tục phạm tội và bị xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, anh VT bị chuyển đến Trại giam M.P chấp hành án từ ngày 20/11/2021.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị TB yêu cầu ly hôn với anh Trần VT.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT có hai người con chung là cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 17/4/2014 và Trần Thị T.A, sinh ngày 08/10/2016, hiện đang sống cùng chị TB. Khi ly hôn, chị TB yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A, không yêu cầu anh VT cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/5/2022, bị đơn anh Trần VT trình bày:**

Anh VT thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị TB trình bày.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị TB yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Đồng ý giao hai cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 17/4/2014 và Trần Thị T.A, sinh ngày 08/10/2016 cho chị TB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp

hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, không ý kiến, kiến nghị bổ sung gì.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bình, cho chị Nguyễn Thị TB ly hôn với anh Trần Văn Tú, giao hai cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 17/4/2014 và Trần Thị T.A, sinh ngày 08/10/2016 cho chị TB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị TB yêu cầu ly hôn với anh Trần VT; anh VT có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay anh VT đang chấp hành án tại Trại giam M.P đóng trên địa bàn thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị TB và anh VT.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT là vợ, chồng. Anh, chị sống chung vào năm 2013, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 006, Quyền số 01/2015 ngày 03/3/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống, anh, chị sống hạnh phúc. Đến năm 2016, hai vợ chồng bắt đầu có những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, cả hai đã tìm cách vun đắp, hàn gắn, tránh hôn nhân đổ vỡ. Đến năm 2020, sau khi anh VT đã chấp hành xong hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, anh VT và chị TB mở quán cơm tại Phường T.B, Thành phố TĐ để làm ăn. Tuy nhiên, giữa hai vợ chồng không thể hòa hợp mà thường xuyên xảy ra gây gổ, cự cãi. Đến năm 2020, anh VT tiếp tục phạm tội và bị xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, anh VT chuyển đến Trại giam M.P chấp hành án từ ngày 20/11/2021. Quá trình giải quyết vụ án, Chị TB xác định tình cảm giữa chị và anh VT đã không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần VT; anh VT biết sự việc chị TB yêu cầu ly hôn với mình và anh cũng đồng ý ly hôn với chị TB. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Trần VT của chị Nguyễn Thị TB.

[4]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT có hai người con chung là cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 17/4/2014 và Trần Thị T.A, sinh ngày 08/10/2016, hiện đang sống cùng chị TB. Khi ly hôn, chị TB yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A đang chung sống ổn định cùng chị TB. Tại Tờ tự khai ngày 04/7/2022, cháu T.T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị TB; Anh VT cũng đồng ý giao hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A cho chị TB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị TB, giao hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A cho chị TB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chung; Anh VT được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị TB không có yêu cầu anh Trần VT cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị TB phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị TB. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT.

2. Về con chung: Giao hai con chung giữa chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT là hai cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 17/4/2014 và Trần Thị T.A, sinh ngày 08/10/2016 cho chị Nguyễn Thị TB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần VT có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần VT chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Trần Thị T.T và Trần Thị T.A do chị Nguyễn Thị TB không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị TB phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị TB đã nộp theo biên lai thu số 0002982 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như chị TB đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị TB và anh Trần VT có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND Phường 4, TP. C, ĐT;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thị TB;
 - + Trần VT.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thạch Hải Âu